

KẾ HOẠCH

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới và Chương trình hành động số 66-CTr/TU, ngày 29/10/2013 của Tỉnh ủy (khóa IX)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” (gọi tắt là Nghị quyết số 25-NQ/TW) và Chương trình hành động số 66-CTr/TU, ngày 29/10/2013 của Tỉnh ủy (khóa IX) “Về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” (gọi tắt là Chương trình hành động số 66-CTr/TU) như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá đúng thực trạng 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, Chương trình hành động số 66-CTr/TU trên địa bàn tỉnh. Làm rõ những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện đạt hiệu quả cao hơn trong thời gian tới.

- Qua tổng kết tiếp tục nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị về vai trò, vị trí và trách nhiệm đối với công tác dân vận trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 25-NQ/TW gắn với thực hiện các nghị quyết, quy chế, kết luận về công tác dân vận; Chương trình hành động số 66-CTr/TU.

- Việc tổng kết phải đảm bảo nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, sát với tình hình thực tế của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG

1. Đánh giá kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW, Chương trình hành động số 66-CTr/TU.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, Chương trình hành động số 66-CTr/TU tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Chỉ rõ tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

5. Đề xuất, kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC TỔNG KẾT

1. Đối với Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Tự kiểm tra, xây dựng báo cáo tổng kết (theo đề cương chi tiết gửi kèm) gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Dân vận Tỉnh ủy), không tổ chức hội nghị tổng kết. Hoàn thành việc tự kiểm tra và gửi báo cáo tổng kết **trước ngày 30/4/2023**.

2. Đối với cấp tỉnh

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết bằng hình thức trực tiếp tại Hội trường Tỉnh ủy kết hợp trực tuyến đến điểm cầu các huyện, thành phố vào tháng 6/2023.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

2. Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết tại một số thành ủy, huyện ủy, sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW và Chương trình hành động số 66-CTr/TU trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước ngày 31/5/2023.

- Hướng dẫn các địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng tham luận phát biểu tại Hội nghị.

- Trên cơ sở kiểm tra, khảo sát, đánh giá, theo dõi việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW và Chương trình hành động số 66-CTr/TU, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, thực hiện.

3. Giao Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Hội nghị tổng kết theo yêu cầu.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo)
- Ban Dân vận TW (HN, T78),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các ban Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH4.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới và Chương trình hành động số 66-CTr/TU, ngày 29/10/2013 của Tỉnh ủy (khóa IX)
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 77-KH/TU, ngày 31/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế văn hóa - xã hội của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Tình hình nhân dân, tình hình dân tộc, tôn giáo trên địa bàn.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, Chương trình hành động số 66-CTr/TU.

2. Việc cụ thể hóa Nghị quyết, Chương trình hành động thông qua việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện của địa phương, cơ quan, đơn vị để thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, Chương trình hành động số 66-CTr/TU.

3. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, quan điểm của Nghị quyết

1.1. Việc thực hiện 4 mục tiêu

1.2. Việc thực hiện 5 quan điểm

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết

2.1. Nội dung báo cáo của các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc

- Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ; tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc chính đáng của nhân dân; làm cho nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường niềm tin và sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước.

- Nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và nhân dân về vai trò, vị trí công tác dân vận trong tình hình mới.

- Kết quả tăng cường và đổi mới công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

- Việc tổ chức và nâng cao các phong trào thi đua yêu nước góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng để tập hợp nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Việc xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ Ban Dân vận, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp vững mạnh.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện công tác dân vận tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

2.2. Nội dung báo cáo của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, Đảng đoàn HĐND tỉnh

- Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về tăng cường công tác dân vận.

- Kết quả tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, đề xuất, kiến nghị chính đáng của nhân dân; tăng cường niềm tin và sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước.

- Kết quả thực hành dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, đảm bảo để nhân dân tham gia quản lý xã hội, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.

- Kết quả đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới lề lối làm việc, chấn chỉnh thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo phương châm *“Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”*, *“Nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”*.

- Kết quả công tác đối thoại, tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân.

- Kết quả thực hiện bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết tốt các chính sách đối với người nghèo, người khuyết tật và các chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Kết quả đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong tỉnh, nhất là phong trào thi đua *“Dân vận khéo”* trong cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp, *“Dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới”* gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII).

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội về công tác dân vận.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết.

2.3. Nội dung báo cáo của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn

- Kết quả việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đa dạng hóa các hình thức tập hợp, tăng cường đồng thuận xã hội; công tác tham mưu nắm bắt dư luận xã hội, tình hình đoàn viên, hội viên và nhân dân (*Dân tộc, tôn giáo, trí thức, doanh nhân, thân nhân người Lâm Đồng sống ở nước ngoài*); thực hiện vai trò đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên và nhân dân.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; phát huy vai trò nhân dân giám sát thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp

hành Trung ương (*khóa XIII*), Chỉ thị số 05-CT/TW, Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (*khóa XIII*) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đối với tổ chức, cá nhân.

- Kết quả tổ chức và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”, “*Dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới*” gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Kết quả kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiện toàn đội ngũ cán bộ ở cơ sở và địa bàn dân cư.

- Công tác phối hợp với các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, các hội quần chúng trong thực hiện công tác dân vận.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

4. Bài học kinh nghiệm

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

***Lưu ý:** Nội dung báo cáo cần có số liệu cụ thể để chứng minh kết quả đạt được hoặc phụ lục kết quả trên từng lĩnh vực.

Đơn vị

PHỤ LỤC SỐ 1

Văn bản triển khai, thực hiện và công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW

I. VĂN BẢN TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

TT	Loại văn bản/ số văn bản	Ngày ban hành	Cấp ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
Cấp tỉnh				
1.				
2.				
...				
Cấp huyện				
1.				
2.				
...				

II. VIỆC QUẢN TRIỆT, HỌC TẬP, TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT

Năm	Số lượng hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết số 25-NQ/TW, Chương trình hành động số 66-CTr/TU (<i>Số lượng hội nghị/số người tham gia</i>)	Số cuộc phối hợp/lồng ghép tổ chức quán triệt Nghị quyết trong các hội nghị chuyên đề liên quan khác (<i>Số lượng hội nghị/số người tham gia</i>)	Cách thức triển khai khác	Ghi chú
2013				
...				
2022				
Cộng:				

III. CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Năm	Số đoàn kiểm tra, giám sát	Số lượng địa phương được kiểm tra, giám sát	Số lượng đơn vị được kiểm tra, giám sát
2013			
...			
2022			
Cộng:			

[illegible]

Đơn vị

PHỤ LỤC SỐ 3
Về kết quả thực hiện Phong trào thi đua yêu nước

Năm	Phong trào thi đua “Dân vận khéo”		Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”		Triển khai các phong trào thi đua yêu nước khác		
	Số lượng văn bản chỉ đạo triển khai	Số lượng mô hình, điển hình	Số lượng văn bản chỉ đạo triển khai	Số lượng mô hình, điển hình	Số lượng văn bản chỉ đạo triển khai	Tên phong trào, số lượng mô hình (hoặc kết quả thực hiện phong trào)	Cấp phát động
2013							
2014							
2015							
2016							
2017							
2018							
2019							
2020							
2021							
2022							
Cộng:							